**PHẦN NỘI DUNG**

**CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT**

**CỦA GIAO DỊCH DÂN SỰ DO NHÓM NGƯỜI YẾU THẾ XÁC LẬP, THỰC HIỆN**

**1.1. Người yếu thế trong quan hệ pháp luật dân sự và giao dịch dân sự do người yếu thế xác lập, thực hiện**

***1.1.1. Khái niệm người yếu thế trong quan hệ pháp luật dân sự***

“Về bản chất, quan hệ dân sự được thiết lập trên cơ sở bình đẳng, thỏa thuận và tự do ý chí giữa các bên. Do đó, các bên tham gia quan hệ dân sự phải là các chủ thể có khả năng nhận thức, tự do ý chí, bình đẳng về khả năng thực hiện quyền và nghĩa vụ. Tuy nhiên, có những chủ thể vì những lý do nào đó mà không có khả năng nhận thức đầy đủ, không có tự do ý chí cũng như khả năng tự mình thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ dân sự như những đối tượng khác, do đó, khi tham gia giao dịch dân sự, họ không thể tự mình mà phải thông qua người khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không thể tự mình bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng phát sinh từ các quan hệ pháp luật dân sự.

Chính vì vậy, có thể hiểu họ chính là những người “yếu thế” trong các quan hệ pháp luật dân sự. Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 đã có các quy định ghi nhận và bảo vệ người yếu thế trong quan hệ pháp luật dân sự, bao gồm: người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

*Người mất năng lực hành vi dân sự*

Người mất năng lực hành vi dân sự được hiểu là một người đã từng có năng lực hành vi dân sự nhưng vì một lý do nào đó mà năng lực hành vi dân sự của họ không còn nữa. Người mất năng lực hành vi dân sự không thể bằng nhận thức để làm chủ, kiểm soát hành vi của bản thân nên mọi giao dịch đều thông qua người đại diện hợp pháp của họ xác lập và thực hiện.

Trong trường hợp lý do khiến một người bị mất năng lực hành vi dân sự không còn thì Tòa án sẽ ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, phục hồi lại năng lực hành vi dân sự cho họ.

*Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự*

Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự là những người đã từng có năng lực hành vi dân sự đầy đủ (người đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi) nhưng lại rơi vào tình trạng quy định tại khoản 1 Điều 24 BLDS năm 2015: “Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố người này là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự”.

Quyết định tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự của Tòa án đối với một người có hiệu lực pháp luật cho đến khi quyết định đó bị hủy bỏ: “Khi không còn căn cứ tuyên bố một người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì theo yêu cầu của chính người đó hoặc của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định huỷ bỏ quyết định tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự” thì cá nhân đó chỉ được tự mình xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự có giá trị nhỏ nhằm phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của bản thân họ. Nếu họ muốn tham gia các giao dịch khác phải có sự đồng ý của người đại diện hợp pháp.

*Người khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi*

Theo quy định của Điều 23 BLDS năm 2015, người thành niên do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự thì theo yêu cầu của người này, người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định người giám hộ, xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ.

Khi không còn căn cứ tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì theo yêu cầu của chính người đó hoặc của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định huỷ bỏ quyết định tuyên bố người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. ”[[1]](#footnote-1)

Như vậy ta có thể thấy, quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 liên quan đến nhóm người yếu thế giúp cho những người gặp bất lợi trong những quan hệ pháp luật dân sự (người yếu thế) được đảm bảo quyền lợi bởi tính công bằng, dân chủ do Nhà nước ban hành thông qua các biện pháp bảo vệ như: chế độ giám hộ, chế độ đại diện…. giúp cho họ có thể có được những quyền lợi như tất thảy mọi người trong xã hội.

***1.1.2. Giao dịch dân sự và điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự***

“Theo Điều 116 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về giao dịch dân sự như sau: *“Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự. Giao dịch dân sự thực chất là một loại sự kiện pháp lý làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự.”.*

Có 2 loại giao dịch dân sự:

- Hành vi pháp lý đơn phương: là giao dịch thể hiện ý chí của một bên chủ thể nhằm phát sinh quan hệ dân sự mà không cần ý chí của các chủ thể khác. Hành vi pháp lý đơn phương có thể do một hoặc nhiều chủ thể ở cùng một bên bày tỏ ý chí. Trong nhiều trường hợp hành vi pháp lý đơn phương chỉ phát sinh hậu quả pháp lý khi có điều kiện do chủ thể bày tỏ ý chí đặt ra, phía bên kia phải đáp ứng mới làm phát sinh nghĩa vụ của bên bày tỏ ý chí đơn phương.

- Hợp đồng dân sự: là giao dịch thể hiện sự thống nhất ý chí của hai hay nhiều bên chủ thể ở hai phía của giao dịch, làm phát sinh, thay đổi . chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự.” [[2]](#footnote-2)

Theo **Điều 385 Bộ luật dân sự 2015**: *Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.*

Ta cũng có thể nói hợp đồng là sự giao kết giữa hai bên hoặc giữa nhiều bên với nhau, cùng có sự thống nhất về ý chí, tự nguyện và phù hợp với ý chí của Nhà nước.

“Từ khái niệm được quy định tại **Điều 385 Bộ luật dân sự 2015** ta thấy được một số khía cạnh:

* Hợp đồng là một sự kiện pháp lý làm phát sinh các hậu quả pháp lý, đó là: xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền, nghĩa vụ dân sự của bên chủ thể trong thực hiện giao kết hợp đồng.
* Nội dung giao kết của hợp đồng là các quyền và nghĩa vụ mà các bên chủ thể trong hợp đồng thỏa thuận và cùng cam kết thực hiện.
* Mục đích của hợp đồng khi ký kết hợp đồng là phải đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các bên, không được trái với đạo đức và các chuẩn mực xã hội. Chỉ khi đáp ứng được các mục đích đó thì hợp đồng mà các bên giao kết mới được thừa nhận là hợp pháp và có giá trị pháp lý.
* Định nghĩa cũng cho thấy, để tồn tại một hợp đồng thì phải có sự thỏa thuận giữa các bên. Sự thỏa thuận đó được hình thành từ hai phía, theo đó một bên đưa ra đề nghị giao kết hợp đồng và một bên đưa ra chấp nhận đề nghị giao kết đó. Đề nghị giao kết và chấp nhận đề nghị giao kết được coi là điều kiện cần và đủ để hình thành nên một hợp đồng. ”[[3]](#footnote-3)

Lẽ công bằng và sự hợp lý luôn là một nguyên tắc có sự ảnh hưởng quan trọng đến mọi hành xử của con người. Thật vậy, mục đích của giao dịch dân sự được lập ra nhằm để thể hiện sự tôn trọng, bảo đảm quyền dân sự; bình đẳng; thiện chí; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Thứ tự áp dụng của giao dịch dân sự phải dựa trên sự coi trọng công bằng và sự hợp lý. Như vậy, một giao dịch không đạt yêu cầu về lẽ công bằng và cũng không hợp lý sẽ dẫn đến giao dịch bị vô hiệu.

Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định, về điều kiện phát sinh của giao dịch dân sự, theo quy định tại Điều 117 BLDS 2015, giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

- “Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;

- Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;

- Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.” [[4]](#footnote-4)

**CHƯƠNG II. THỰC TIỄN TRANH CHẤP VỀ GIAO DỊCH DÂN SỰ**

**DO NHÓM NGƯỜI YẾU THẾ XÁC LẬP, THỰC HIỆN**

*Theo bản án số 104/2018/DS-ST ngày 08/11/2018 của Toà án Nhân dân huyện Tân Châu tỉnh Tây Ninh thì vào ngày 21-3-2007 giữa Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T và ông Thô Sa M, bà Chang T có thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng. Theo hợp đồng thì ông Thô Sa M, bà Chang T vay số tiền 25.000.000 đồng; mục đích vay mua xe gắn máy và sửa nhà; thời hạn vay 36 tháng, kể từ ngày từ ngày 21-3-2007 đến ngày 21-3-2010; hai bên còn có thỏa thuận lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn, Tài sản để đảm bảo cho nợ vay là quyền sử dụng đất diện tích 10.519 m2. Việc thế chấp được UBND xã T chứng thực và có đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tân Châu theo đúng quy định của pháp luật.*

*Xét yêu cầu của Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T yêu cầu ông Thô Sa M và bà Chang T trả tổng cộng nợ gốc và lãi suất là 58.595.500 đồng và tiếp tục trả tiền lãi suất theo hợp đồng cho đến khi trả xong nợ gốc, Toà án thấy rằng: Tại thời điểm năm 2007, Quỹ tín dụng khi tiến hành thủ tục cho khách hàng vay vốn đã thực hiện không đúng theo Quy chế cho vay của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T như “Người trực tiếp giao dịch với khách hàng khi làm thủ tục vay không phải là cán bộ tín dụng của Quỹ tín dụng; không xác định nhu cầu vốn vay của khách hàng, nên số tiền vay trong hợp đồng và số tiền khách hàng thực nhận khác nhau, do không biết chữ, nhưng trước khi lăn dấu vân tay vào hợp đồng không được ai đọc lại nội dung; người không vay tiền nhưng được nhận tiền tại kho quỹ của Quỹ tín dụng, còn khách hàng nhận tiền vay tại nhà bà Lâm N và bà Dương Thị H; các hợp đồng tín dụng đều có mức tiền vay từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng, nhưng không có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh v.v”.*

*Tại Kết luận Thanh tra số 36/KL-TNI5 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Tây Ninh: “Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T thực hiện cho vay 03 đợt đối với 31 hộ dân tộc Khmer không đúng quy trình cho vay, thông qua người môi giới để người môi giới chiếm dụng vốn vay của khách hàng. Do các hộ vay không biết chữ và không nói thông thạo tiếng Việt nên thông qua 02 người môi giới (phiên dịch) tạo điều kiện cho 02 người môi giới lợi dụng chiếm dụng vốn vay của các hộ dân tộc 504.000.000 đồng, các văn bản khác cũng cho thấy vợ chồng ông Sa M bị chiếm dụng số tiền vay…*

*Từ những chứng cứ trên cho thấy, Hợp đồng tín dụng trên là vô hiệu do bị lừa dối. Do đó giao dịch giữa 2 bên bị vô hiệu ngay từ khi xác lập hợp đồng là ngày 21-3-2007 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập, khôi phục lại tình trạng ban đầu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Như vậy ông Thô Sa M đã nhận số tiền 10.000.000 đồng nên có trách nhiệm trả lại số tiền này cho Quỹ tín dụng, nhưng theo phiếu thu mà Quỹ tín dụng cung cấp đã xác định hộ ông Thô Sa M đã trả được số tiền 15.171.200 đồng (trong đó trả tiền gốc 7.500.000 đồng, tiền lãi 7.671.200 đồng) nhiều hơn số tiền đã nhận là 5.171.200 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Thô Sa M và bà Chang T không yêu cầu trả lại số tiền 5.171200 đồng và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về quyền sử dụng đất được thế chấp đảm bảo khoản vay, do Hợp đồng tín dụng bị vô hiệu nên Hợp đồng thế chấp cũng không còn hiệu lực nên Quỹ tín dụng có trách nhiệm trả cho ông bà quyền sử dụng đất trên. Thế nên, Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng đối với vợ chồng ông bà về khoản nợ và lãi.*

**2.1. Quan điểm của các cấp Tòa án liên quan đến vụ việc**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nên theo đó, Kiểm soát viên tham gia phiên tòa nêu lên ý kiến, và các đề nghị với Hội đồng xét xử.

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 121, Điều 132, Điều 135, Điều 137, Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27-02-2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 266/07/HĐTD, ngày 21-3-2007 vô hiệu một phần do bị lừa dối đối với số tiền 15.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T đối với số tiền 58.595.500 đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Về nhận định của Tòa án:*

“Ông Thô Sa M, bà Chang T là bị đơn; bà Dương Thị H, bà Lâm N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Thô Sa M, bà Chang T, bà H và bà N.

Theo như Hợp đồng tín dụng số 266/07/HĐTD, ngày 21-3-2007 ký kết giữa Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T với ông Thô Sa M, bà Chang T là vô hiệu do bị lừa dối, vì theo Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “Lừa dối trong giao dịch là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó”.

Do đó giao dịch giữa Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T với ông Thô Sa M, bà Chang T là bị vô hiệu ngay từ khi xác lập hợp đồng là ngày 21-3-2007 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập, khôi phục lại tình trạng ban đầu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Từ những phân tích trên, Tòa án quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty T đối với ông Thô Sa M và bà Chang T về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với số tiền vay gốc 17.500.000 đồng và tiền lãi suất 41.095.500 đồng, tổng cộng 58.595.500 đồng.”[[5]](#footnote-5)

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

* Bộ luật Dân sự 2015 Số 91/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
* Học viện Tư pháp, *Giáo trình tố tụng dân sự*, Nxb. Công an nhân dân, 2007, tr. 466 và 467;
* Nguyễn Thị Hạnh, *“Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về cử người giám hộ cho người mất năng lực hành vi dân sự”,* Tạp chí Tòa án nhân dân, tháng 01/2013;
* Nguyễn Thị Thúy Hằng, *“Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ”,* Tạp chí Tòa án nhân dân tháng 5/2013;
* Thân Thị Ngọc Bích, *“Quy định về hạn chế năng lực hành vi dân sự trong BLDS năm 2015”,* Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ, 2017;

1. TRẦN THỊ DIỆU HƯƠNG (16/09/2019), Bảo vệ người yếu thế trong pháp luật dân sự Việt Nam, link: <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210275>. [↑](#footnote-ref-1)
2. Dương Thị Uyên (19/05/2022) *Giao dịch dân sự là gì ? Đặc điểm, phân loại giao dịch dân sự ? Cho ví dụ*, link: https://luatminhkhue.vn/-giao-dich-dan-su-theo-quy-dinh-cua-bo-luat-dan-su-2015.aspx [↑](#footnote-ref-2)
3. “*Điều 385 BLDS 2015”*, link: https://accgroup.vn/dieu-385-bo-luat-dan-su-2015/#:~:text=2.-,Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20%C4%90i%E1%BB%81u%20385%20B%E1%BB%99%20lu%E1%BA%ADt%20d%C3%A2n,v%E1%BB%81%20kh%C3%A1i%20ni%E1%BB%87m%20H%E1%BB%A3p%20%C4%91%E1%BB%93ng&text=H%E1%BB%A3p%20%C4%91%E1%BB%93ng%20l%C3%A0%20s%E1%BB%B1%20th%E1%BB%8Fa%20thu%E1%BA%ADn%20gi%E1%BB%AFa%20c%C3%A1c%20b%C3%AAn%20trong,%C3%BD%20ch%C3%AD%20c%E1%BB%A7a%20Nh%C3%A0%20n%C6%B0%E1%BB%9Bc. [↑](#footnote-ref-3)
4. “Giao dịch dân sự là gì? Điều kiện để giao dịch dân sự có hiệu lực” (30/04/2022), link: <https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/thoi-su-phap-luat/tu-van-phap-luat/40490/giao-dich-dan-su-la-gi-dieu-kien-de-giao-dich-dan-su-co-hieu-luc#:~:text=%C4%90i%E1%BB%81u%20ki%E1%BB%87n%20%C4%91%E1%BB%83%20giao%20d%E1%BB%8Bch%20d%C3%A2n%20s%E1%BB%B1%20c%C3%B3%20hi%E1%BB%87u%20l%E1%BB%B1c,-Theo%20quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh&text=%2D%20Ch%E1%BB%A7%20th%E1%BB%83%20c%C3%B3%20n%C4%83ng%20l%E1%BB%B1c,tr%C3%A1i%20%C4%91%E1%BA%A1o%20%C4%91%E1%BB%A9c%20x%C3%A3%20h%E1%BB%99i>. [↑](#footnote-ref-4)
5. Trần Thanh Quốc (HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA), ngày 08/11/2018, *Đơn xem xét Tranh chấp hợp đồng tín dụng* [↑](#footnote-ref-5)